



Tạp chí

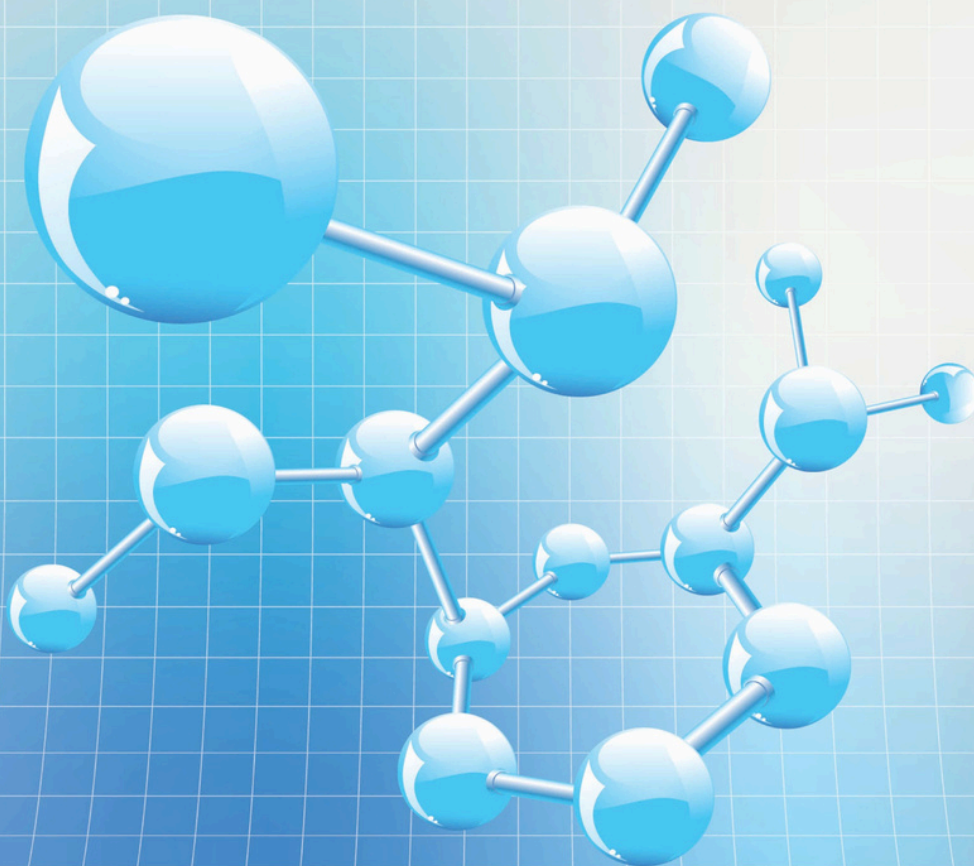
NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

ĐẠI HỌC SÁO ĐỎ

SCIENTIFIC JOURNAL - SAO DO UNIVERSITY

P. ISSN 1859-4190

E. ISSN 2815-553X



SỐ ĐẶC BIỆT

KỶ NIỆM 15 NĂM THÀNH LẬP TRƯỜNG

Số 2 (90)

2025

MỤC LỤC

TT	Tên bài báo	Tên tác giả	Trang
1.	Xây dựng hệ sinh thái kinh tế số: Vai trò của giáo dục và nghiên cứu khoa học <i>Building a digital economy ecosystem: The role of education and scientific research</i>	Nguyễn Kế Nghĩa Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	8-16
2.	Áp dụng trí tuệ nhân tạo dự báo nhu cầu và tối ưu hóa tồn kho tại Việt Nam <i>Applying artificial intelligence to forecast demand and optimize inventory in Vietnam</i>	Nguyễn Xuân Trang Trường Kinh Tế Tài Chính - Đại học Thủ Dầu Một	17-24
3.	Kinh nghiệm của một số địa phương về phát triển nguồn nhân lực cho phát triển kinh tế số - Bài học kinh nghiệm đối với tỉnh Hải Dương <i>Experiences of some localities in developing human resources for digital economic development - Lessons learned for Hai Duong province</i>	Vũ Hồng Phong; Phan Hoàng Đức; Vũ Văn Đông Trường Đại học Sao Đỏ	25-33
4.	Giải pháp phát huy tiềm năng và cơ hội tham gia, phát triển kinh tế số của thanh niên hiện nay <i>Solutions to promote the potential and opportunities to participate and develop the digital economy of youth</i>	Nguyễn Tuấn Anh Viện Nghiên cứu Thanh niên	34-43
5.	Nâng cao chất lượng nguồn lực giảng viên trong các cơ sở giáo dục đại học đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững <i>Improving the quality of teaching resources in higher education institutions to meet the needs of sustainable development</i>	Nguyễn Thị Hiền Oanh Trường Đại học Sài Gòn	44-52
6.	Kinh nghiệm quốc tế về quản lý nền kinh tế số và hàm ý cho Việt Nam <i>International experiences in digital economy governance and policy implications for Vietnam</i>	Luyện Thùy Dung*, Bùi Tiến Thịnh Trường Đại học Tài Chính – Quản trị kinh doanh	53-60
7.	Số hoá ngành du lịch Quảng Bình: cơ hội và thách thức trong chuyển đổi số <i>Digital Transformation of Quang Binh's Tourism Industry: Opportunities and Challenges</i>	Phan Thị Quỳnh Trang Trường Đại học Quảng Bình	61-69

TT	Tên bài báo	Tên tác giả	Trang
8.	Khung năng lực nguồn nhân lực công nghệ thông tin trong bối cảnh chuyển đổi số <i>Information technology human resource capacity framework in the context of digital transformation</i>	Lại Thị Hiếu Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì	70-76
9.	Thương mại điện tử góp phần quan trọng phát triển kinh tế số ở Việt Nam hiện nay <i>E-commerce as a key driver of digital economy development in Vietnam</i>	Nguyễn Hữu Sơn Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh	77-83
10.	Chuyển đổi số trong doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Việt Nam hiện nay <i>Digital transformation in small and medium enterprises in Vietnam today</i>	Trần Đăng Sinh¹, Phùng Thị Lý² ¹ Hội triết học Việt Nam ² Trường Đại học Sao Đỏ	84-93
11.	Chuyển đổi số ở thị trường lao động Việt Nam dưới góc nhìn xã hội học <i>Digital Transformation in the Vietnamese Labor Market: A Sociological Perspective</i>	Nguyễn Duy Thái^{1*}, Nguyễn Thị Hải Hà², Nguyễn Đức Chiện³ ¹ Tạp chí Xã hội học Việt Nam ² Trường Đại học Sao Đỏ ³ Viện Xã hội học	94-100
12.	Chuyển đổi số truy xuất nguồn gốc nông sản: kinh nghiệm quốc tế và gợi ý cho Việt Nam <i>Digital transformation in agricultural product traceability: international experiences and recommendations for Vietnam</i>	Lê Quý Dương^{1*}, Nguyễn Đức Chiện², Ngô Trung Thành³, Đinh Thị Thu Hằng³, Trần Thị Thu Thủy⁴ ¹ Viện nghiên cứu truyền thống và phát triển (TARDI) ² Viện Xã hội học – Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam ³ Khoa Khoa học xã hội – Học viện Nông nghiệp Việt Nam ⁴ Liên hiệp các hội khoa học kỹ thuật tỉnh Hải Dương	101-110
13.	Tác động của Cách mạng công nghiệp 4.0 và chuyển đổi số đến phong cách lãnh đạo doanh nghiệp <i>Impacts of the Fourth Industrial Revolution and the digital transformation upon business leadership style</i>	Lưu Ngọc Trinh^{1*}, Lê Đăng Minh² ¹ Đại học Công Nghệ Giao thông vận tải ² Đại học Công nghệ Sài Gòn	111-120

TT	Tên bài báo	Tên tác giả	Trang
14.	Nỗ lực thúc đẩy quá trình chuyển đổi số của Nhật Bản <i>Japan's Efforts in Promoting the Digital Transformation</i>	Phạm Thị Hồng Hoa¹, Lưu Ngọc Trinh^{2*} ¹ Trường Đại học Sao Đỏ ² Đại học Công nghệ Giao thông vận tải	121-131
15.	Phát triển nông nghiệp trong nền kinh tế số hiện nay: Cơ hội và thách thức <i>Agricultural Development in Today's Digital Economy: Opportunities and Challenges</i>	Nguyễn Thị Ngọc Mai Viện Nghiên cứu Nam Á, Tây Á và Châu Phi	132-140
16.	Chính sách thu hút đầu tư nước ngoài vào kinh tế số tại Việt Nam <i>Policies for attracting foreign investment into the digital economy in Vietnam</i>	Bùi Tiến Thịnh*, Nguyễn Thị Hoàng Mai Trường Đại học Tài Chính – Quản trị kinh doanh	141-148
17.	Kinh tế số trong ngành du lịch Việt Nam: Cơ hội và thách thức <i>Digital Economy in Vietnam tourism industry: Opportunities and challenges</i>	Nguyễn Hoàng Mai¹, Nguyễn Thị Ngọc Mai² ¹ Viện nghiên cứu phát triển du lịch ² Trường Đại học Sao Đỏ	149-158
18.	Phát triển doanh nghiệp tư nhân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng trong nền kinh tế số <i>Developing private enterprises in Da Lat city, Lam Dong province in the digital economy</i>	Trương Minh Hoài^{1*}, Lê Thị Lại² ¹ Trường Đại học Đà Lạt ² Trường cao đẳng Đà Lạt	159-165
19.	Phổ cập hiểu biết ứng dụng fintech – Gợi ý giải pháp chuyển đổi số <i>Popularizing fintech application knowledge - Digital transformation solution suggestions</i>	Lê Thị Thúy Hà Phân hiệu Bắc Ninh – Học viện Ngân hàng	166-175
20.	Quá trình phát triển và xu hướng thị trường thương mại điện tử trong tương lai ở Việt Nam <i>The development process and future trends of the e-commerce market in Vietnam</i>	Nguyễn Thị Huế Trường Đại học Sao Đỏ	176-186
21.	Giải pháp phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn Việt Nam trong kỷ nguyên số <i>Solutions for agricultural and rural economic development in Vietnam in the digital era</i>	Ngô Thị Luyện Trường Đại học Sao Đỏ	187-194
22.	Một số giải pháp phát triển nguồn nhân lực trong xây dựng kinh tế số tại Việt Nam <i>Some solutions for human resource development in building digital economy in Vietnam</i>	Hoàng Thị Hoa Trường Đại Học Sao Đỏ	195-204

TT	Tên bài báo	Tên tác giả	Trang
23.	Ứng dụng AI trong hoạt động marketing tại doanh nghiệp - Cơ hội và thách thức <i>Applying AI in marketing activities at enterprises - Opportunities and challenges</i>	Nguyễn Thị Thủy Trường Đại học Sao Đỏ	205-212
24.	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong phát triển du lịch thông minh tại tỉnh Hải Dương <i>Application of artificial intelligence (AI) in tourism development smart in Hai Duong province</i>	Vũ Thị Hương Trường Đại học Sao Đỏ	213-221
25.	Hệ thống thông tin kế toán tại các doanh nghiệp Việt Nam trong nền kinh tế số <i>Accounting information systems in Vietnamese enterprises in the digital economy</i>	Vũ Thị Lý Trường Đại học Sao Đỏ	222-231
26.	Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hàng tồn kho, hiệu quả tại doanh nghiệp <i>Application of information technology in inventory management, efficiency in business</i>	Vũ Thị Thanh Thủy Trường Đại học Sao Đỏ	232-240
27.	Kinh tế số và giải pháp phát triển mô hình kinh tế số tại Việt Nam <i>Digital economy and solutions for developing digital economic models in Vietnam</i>	Nguyễn Minh Tuấn*, Phạm Thị Hồng Hoa Trường Đại học Sao Đỏ	241-249
28.	Ảnh hưởng của áp dụng trí tuệ nhân tạo đến năng suất lao động trong các doanh nghiệp thương mại điện tử tại Việt Nam <i>The influence of artificial intelligence adoption on workforce productivity in Vietnam e-commerce enterprises</i>	Nguyễn Thị Huyền Trang*, Trần Trọng Đức, Lê Khánh Duyên, Nguyễn Tuấn Minh, Nguyễn Hữu Hoàng Phúc, Đinh Thị Hồng Thắm Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	250-257
29.	Rủi ro gian lận báo cáo tài chính trong môi trường số và giải pháp kiểm toán số tại Việt Nam <i>Risk of financial reporting fraud in the digital environment and digital audit solutions in Vietnam</i>	Đinh Thị Kim Thiết Trường Đại học Sao Đỏ	258-265
30.	Hoàn thiện thể chế tạo tiền đề cho sự phát triển kinh tế số tại Việt Nam trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc <i>Perfecting the institutional framework as a prerequisite for digital economy development in Vietnam amidst the nation's rise</i>	Đậu Ngọc Linh Học viện cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh	266-273

TT	Tên bài báo	Tên tác giả	Trang
31.	Các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế số và hàm ý chính sách cho Việt Nam <i>Factors influencing digital economy development and policy implications for Vietnam</i>	Hồ Thị Hà Trường Kinh tế tài chính - Trường Đại học Thủ Dầu Một	274-281
32.	Thúc đẩy chuyển đổi số trong doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Việt Nam: Thách thức và giải pháp <i>Promoting digital transformation in small and medium-sized enterprises (SMES) in Vietnam: Challenges and solutions.</i>	Nguyễn Thị Minh Hiếu^{1*}, Nguyễn Thị Huyền Trang² ¹ Trường Đại học Lao động Xã hội cơ sở II ² Trường Cao đẳng Công nghệ cao Đồng Nai	282-289
33.	Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu kinh tế số ở Việt Nam hiện nay <i>Developing human resources to meet digital economy requirements in Vietnam today</i>	Tạ Thị Năm Trường Đại học Công đoàn	290-297
34.	Cải tiến phương pháp kiểm tra - đánh giá nâng cao chất lượng đào tạo sinh viên trong bối cảnh chuyển đổi số <i>Improving assessment methods – enhancing student training quality in the context of digital transformation</i>	Nguyễn Thị Thuỳ Trinh Trường Cao đẳng Đà Lạt	298-305
35.	Giải pháp nâng cao năng lực số của giảng viên đại học trong giai đoạn chuyển đổi số <i>Solutions to improve digital capabilities of university lecturers during the digital transformation period</i>	Nguyễn Thị Hiền Học Viện Ngân Hàng - Phân Viện Phú Yên	306-316
36.	Giải pháp thúc đẩy chuyển đổi số doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam trong kỷ nguyên số <i>Solutions to promote digital transformation of small and medium enterprises of Vietnam in the digital age</i>	Đinh Mạnh Tuấn^{1*}, Lê Thanh Thảo² ¹ Viện Nghiên cứu Châu Âu và Châu Mỹ ² Công ty IPCOM Vietnam	317-323
37.	Ứng dụng công nghệ số trong công tác giảng dạy <i>Applying digital technology in teaching</i>	Nguyễn Thị Hồng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG TPHCM	324-331
38.	Điều kiện có hiệu lực của hợp đồng thông minh: Góc nhìn pháp lý trong bối cảnh phát triển kinh tế số <i>The validity conditions of smart contracts: A legal perspective in the context of digital economic development</i>	Nguyễn Phương Uyên*, Thái Trần Văn Huế, Nguyễn Thị Diệu Hiền, Nguyễn Khánh Linh Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	332-339

TT	Tên bài báo	Tên tác giả	Trang
39.	Phân tích tích hợp các đổi mới FinTech trong ngành ngân hàng: Những cải tiến và thách thức <i>Integrated Analysis of FinTech Innovations in Banking: Enhancements and Challenges</i>	Phí Văn Trọng*, Trần Thị Nam Thanh Trường Đại học Kinh tế quốc dân	340-349
40.	Một số vấn đề về chuyển đổi số trong lĩnh vực ngân hàng Việt Nam hiện nay <i>Some issues on digital transformation in the banking sector in Vietnam today</i>	Nguyễn Thị Huệ Viện Nghiên cứu Văn hoá – Viện Hàn lâm KHXHVN	360-359
41.	Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu xây dựng nền kinh tế số của Việt Nam trong bối cảnh hội nhập khu vực Châu Á - Thái Bình Dương hiện nay <i>Developing high-quality human resources to meet the demands of building Vietnam's digital economy in the context of regional integration in the Asia-Pacific today</i>	Tiêu Thị Thu Ngân*, Nguyễn Phương Linh, Vũ Tuấn Nghĩa Trường Đại học Ngoại thương	360-367
42.	Thực trạng chuyển đổi số ngành ngân hàng tại Việt Nam <i>The current situation of digital transformation of the banking industry in Vietnam</i>	Lương Thị Hoa Trường Đại học Sao Đỏ	368-376
43.	Giải pháp chuyển đổi số trong công tác kế toán tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hải Dương <i>Solutions for digital transformation in accounting practices at businesses in Hai Duong province</i>	Nguyễn Thị Quỳnh Trường Đại học Sao Đỏ	377-385
44.	Phát triển năng lực số cho sinh viên các trường đại học trong giai đoạn hiện nay <i>Developing digital competencies for university students in the current context</i>	Nguyễn Thị Lý Trường Đại học Lâm nghiệp	386-394
45.	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tiêu dùng hàng Việt trên sàn thương mại điện tử tại Việt Nam <i>Study on factors influencing Vietnamese consumer behavior on E-commerce platforms in Vietnam</i>	Trần Cường, Trần Thị Quý Chinh* Trường Kinh tế, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	395-403

TT	Tên bài báo	Tên tác giả	Trang
46.	Các nhân tố ảnh hưởng đến ứng dụng công nghệ thông tin tại các doanh nghiệp Logistics trên địa bàn thành phố Hà Nội <i>Factors influencing the application of information technology in Logistics Enterprises in Hanoi</i>	Trần Thị Quý Chinh* , Trần Cường , Nguyễn Thị Mai Anh , Phạm Thị Hương Giang Trường Kinh tế, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	404-412
47.	Sử dụng lý thuyết TAM trong nghiên cứu nhận thức và mức độ tương tác của giảng viên và sinh viên kế toán, kiểm toán với ứng dụng AI trong đào tạo đại học. <i>Utilizing TAM Theory to study the perception and interaction of accounting and auditing lecturers and students with AI-powered tools in higher education</i>	Phùng Đặng Diệp Chi , Nguyễn Khánh Ly , Nguyễn Thu Ngân , Phạm Thành Long* Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	413-421
48.	Áp dụng thuế bất động sản trong bối cảnh chuyển đổi số: Kinh nghiệm từ Nga, Hoa Kỳ, Singapore và hàm ý chính sách cho Việt Nam <i>Real estate taxation in the digital age: Implementation insights from Russia, the United States, Singapore, and policy implications for Vietnam</i>	Nguyễn Văn Lộc , Nguyễn Văn Phương , Phạm Ngọc Hương Quỳnh* Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội	422-431
49.	Tác động của quản trị nhân sự số đến kết quả làm việc của nhân viên tại các cơ sở giáo dục tại Hà Nội <i>The impact of digital human resource management on employee performance in educational institutions in Ha Noi</i>	Nguyễn Minh Phương¹ , Đào Thị Hà Anh^{2*} , Nguyễn Văn Lộc² ¹ Trường Đại học Việt Nhật - Đại học Quốc gia Hà Nội ² Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội	432-441
50.	Một số vấn đề lý luận và thực tiễn giải pháp tăng cường thực thi chính sách hỗ trợ chuyển đổi số cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Việt Nam <i>Some theoretical and practical issues on solutions to strengthen the implementation of policies to support digital transformation for small and medium-sized enterprises in Vietnam</i>	Phạm Thanh Tùng Ban Tổ chức – Kiểm tra Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	442-450

Kinh nghiệm của một số địa phương về phát triển nguồn nhân lực cho phát triển kinh tế số - Bài học kinh nghiệm đối với tỉnh Hải Dương

Experiences of some localities in developing human resources for digital economic development - Lessons learned for Hai Duong province

Vũ Hồng Phong; Phan Hoàng Đức; Vũ Văn Đông

Trường Đại học Sao Đỏ

Email: duydongvu82@gmail.com

Ngày nhận bài: 18/02/2025

Ngày nhận bài sửa theo phản biện: 15/4/2025

Ngày chấp nhận đăng: 11/5/2025

Tóm tắt

Trong bối cảnh toàn bộ nền kinh tế nước ta nói chung và kinh tế tỉnh Hải Dương nói riêng đang đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số, thì nguồn nhân lực được xem là yếu tố then chốt, vừa là động lực, vừa là mục tiêu của sự phát triển. Đối với tỉnh Hải Dương, là tỉnh có nhiều thuận lợi về cơ sở hạ tầng và trình độ tiếp cận công nghệ số, việc phát triển nhân lực chính là chìa khóa để tỉnh đẩy mạnh hơn nữa phát triển nền kinh tế số vẫn còn là một rào cản. Qua quá trình tìm hiểu kinh nghiệm một số quốc gia và một số địa phương trong cả nước về phát triển nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế số, có thể thấy vai trò trong việc phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đủ năng lực, trình độ xây dựng, khai thác hạ tầng kỹ thuật số, có năng lực hợp tác quốc tế và tham gia đổi mới sáng tạo.

Từ khóa: *Phát triển nhân lực; kinh tế số; Hải Dương; kinh tế Hải Dương.*

Abstract

In the context of the entire economy of our country in general and the economy of Hai Duong province in particular actively promoting digital transformation, human resources are considered a key factor, both a driving force and a goal of development. For Hai Duong province, which has many advantages in infrastructure and the level of access to digital technology, the development of human resources is still a barrier for the province to further promote the development of the digital economy. Through the process of researching the experiences of several countries and localities across the country regarding the development of human resources to support digital economic development, it is evident that the role of developing high-quality human resources is crucial. These resources must possess the capability and expertise to build and utilize digital infrastructure, have the ability to cooperate internationally, and participate in innovation and creativity.

Keywords: *Human resource development; digital economy; Hai Duong; The economy of Hai Duong.*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Cùng với sự phát triển của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (cách mạng 4.0), chuyển đổi số đã trở thành tất yếu và là động lực cho sự thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước ta. Sự ra đời và phát triển của các nền tảng kỹ thuật số như: Trí tuệ nhân tạo (AI), Internet kết nối vạn vật (IoT), dữ liệu điện toán đám mây (Big Data),... đã có những tác động mạnh mẽ và làm thay đổi mạnh mẽ của khoa học công nghệ, sự phát triển đột phá của công nghệ thông tin truyền thông. Sự phát triển và thay đổi này đã tạo bước ngoặt căn bản về cách thức làm việc của con người trong các hoạt động kinh tế. Phát triển kinh tế số tạo ra động lực quan trọng cho sự tăng trưởng kinh tế bền vững của đất nước. Trong quá trình đó, nhân lực vừa đóng vai trò trung tâm vừa là yếu tố quyết định. Đối với Hải Dương, phát triển nền kinh tế số là một mục tiêu quan trọng trong quá trình phát triển đưa Hải Dương sớm trở thành tỉnh công nghiệp hiện đại, với mục tiêu thúc đẩy chuyển đổi số trên mọi lĩnh vực từ kinh tế, giáo dục đến y tế và dịch vụ công, không chỉ góp phần nâng cao năng suất lao động, tối ưu hóa nguồn lực, kinh tế số còn tạo ra nhiều cơ hội mới trong việc phát triển các ngành nghề và dịch vụ dựa trên công nghệ. Tuy nhiên, bên cạnh những khả năng vượt bậc mang lại, thúc đẩy sáng tạo, gia tăng giá trị và mở rộng cơ hội phát triển, kinh tế số của Hải Dương còn đặt ra yêu cầu cấp thiết về vấn đề phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, có khả năng thích nghi với những thay đổi nhanh

chóng của công nghệ và thị trường lao động để từ đó hiện thực hóa được các tiềm năng của kinh tế số. Do đó, việc nghiên cứu kinh nghiệm một số quốc gia và một số địa phương trong cả nước nhằm rút ra các bài học có thể áp dụng phù hợp với Hải Dương là điều vô cùng cần thiết.

2. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN

2.1. Khái niệm về nguồn nhân lực

Theo PGS. TS. Nguyễn Tiệp, nguồn nhân lực được hiểu theo hai nghĩa, nghĩa rộng: *“Nguồn nhân lực bao gồm toàn bộ dân cư có khả năng lao động”*. Theo nghĩa hẹp: *“Nguồn nhân lực bao gồm nhóm dân cư trong độ tuổi lao động có khả năng lao động”* [1].

Theo Nguyễn Hữu Dũng: nguồn nhân lực thường được các nhà kinh tế nghiên cứu ở hai góc độ là năng lực xã hội và tính năng động xã hội. Do đó, nguồn nhân lực được hiểu là *“Tổng hòa trong thể thống nhất hữu cơ năng lực xã hội của con người (thể lực, trí lực, nhân cách) và tính năng động xã hội của con người. Tính thống nhất đó được thể hiện ở quá trình biến nguồn lực con người thành vốn con người”* [2, tr.10, 11].

Theo các tác giả Đỗ Minh Cường, Mạc Văn Tiến: *“nguồn nhân lực là phản ánh tổng thể tiềm năng của con người của một quốc gia, vùng lãnh thổ, địa phương hay một công ty có thể huy động được vào quá trình phát triển kinh tế”* [3, tr.15].

Khi đánh giá vai trò của nguồn lực con người trong quá trình CNH, HĐH đất nước, tổng kết thực tiễn tại văn kiện đại hội XII của Đảng cũng đã khẳng định: *“Đúc kết và xây dựng hệ giá trị văn hóa và hệ giá trị chuẩn*

mục của con người Việt Nam thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế” [4, tr.92].

Trong chiến lược phát triển kinh tế xã hội 2011 – 2020 của Chính phủ đã nêu mục tiêu phát triển nguồn nhân lực: *“Chú trọng đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu đa dạng, đa tầng của công nghệ và trình độ phát triển của các lĩnh vực, ngành nghề, đào tạo nhân lực cho phát triển kinh tế tri thức,...” [5].*

Trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực Việt Nam 2011 – 2020 cũng đã cụ thể hóa mục tiêu phát triển nguồn nhân lực của đất nước từ các khía cạnh: *“Nhân lực Việt Nam có thể lực tốt, tầm vóc cường tráng, phát triển toàn diện về trí tuệ, ý chí, năng lực và đạo đức, có năng lực tự học, tự đào tạo, năng động, chủ động, tự lực, sáng tạo, có tri thức và kỹ năng nghề nghiệp cao, có khả năng thích ứng và nhanh chóng tạo được thế chủ động trong môi trường sống và làm việc” [6].*

Từ các góc độ tiếp cận khác nhau, các nhà khoa học đã đưa ra nhiều quan điểm về nguồn nhân lực. Tuy vậy có thể hiểu nguồn nhân lực là nguồn lực con người của một tổ chức, một địa phương, một quốc gia trong thể thống nhất giữa thể lực, trí lực, nhân cách của con người. Tính thống nhất đó được thể hiện ở quá trình biến nguồn lực con người thành nguồn vốn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển.

Từ các quan niệm đã được nêu ở trên, theo tác giả:

Nguồn nhân lực là tổng thể nguồn lực con người của một địa phương, một vùng hay một

quốc gia có thể lực, trí lực, kỹ năng có khả năng tham gia vào quá trình lao động sản xuất đáp ứng nhu cầu phát triển. Nguồn nhân lực (theo nghĩa hẹp) bao gồm tất cả những người trong độ tuổi lao động đã qua đào tạo hoặc chưa qua đào tạo, có việc làm hoặc đang thất nghiệp nhưng có nhu cầu tìm kiếm việc làm và mong muốn làm việc.

Và Phát triển Nguồn nhân lực là quá trình các chủ thể thực hiện tổng hợp các biện pháp nhằm biến đổi về mặt số lượng và chất lượng Nguồn nhân lực, nâng cao thể lực, trí lực, năng lực của Nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong một giai đoạn nhất định.

2.2. Phát triển kinh tế số

Kinh tế số hiện đang là mục tiêu mà hầu hết các quốc gia trên thế giới cũng như Việt Nam đều đang hướng tới. Theo Chương trình Chuyển đổi số quốc gia của Thủ tướng Chính phủ đưa ra trong Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/06/2020 về “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” và các văn bản được Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành thì Kinh tế số được định nghĩa là nền kinh tế dựa trên các hoạt động sử dụng công nghệ số và dữ liệu số để tạo ra các mô hình kinh doanh mới, nâng cao hiệu quả sản xuất, tối ưu hóa quy trình và thúc đẩy đổi mới sáng tạo.

Theo Don Tapscott (1996) cho rằng: Kinh tế số là thời đại của sự kết nối trí tuệ, nơi mà trí thức, kiến thức và sáng tạo được kết hợp với những tiến bộ của công nghệ và máy móc để tạo ra những đột phá, từ đó thúc đẩy sự phát triển của xã hội. Kinh tế số

là một cuộc cách mạng trong cách thức vận hành của nền kinh tế, chuyển đổi từ mô hình kinh tế truyền thống dựa trên khai thác tài nguyên sang mô hình kinh tế tri thức với trụ cột là khoa học - công nghệ, internet và kỹ thuật số trong đó sự sáng tạo của con người là động lực chính để phát triển [7].

Theo Nguyễn Đức Thiệu: Nhân lực số cần có đầy đủ năng lực trí tuệ, tri thức và văn hóa để tổ chức, quản lý và vận hành nền kinh tế. Có sức khỏe tốt để làm việc với cường độ cao; Có nền tảng tri thức vững vàng, khả năng làm chủ máy móc, sáng tạo và linh hoạt trong việc tiếp thu và ứng dụng công nghệ mới, nhanh chóng thích nghi với môi trường làm việc; Có văn hóa lao động thể hiện qua ý thức kỷ luật, đạo đức nghề nghiệp, tinh thần cầu tiến, tôn trọng đồng nghiệp, trách nhiệm với công việc và tinh thần xây dựng tập thể [8].

Do đó, xây dựng đội ngũ nhân lực cho kinh tế số chính là tạo ra những con người có khả năng thích nghi nhanh chóng với những thay đổi về công nghệ và thị trường lao động, đáp ứng tốt các yêu cầu về chất lượng, kỹ thuật số có tư duy đổi mới và sáng tạo, đồng thời biết tận dụng hiệu quả các công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo (AI), Internet kết nối vạn vật (IoT) và dữ liệu điện toán đám mây (Big Data), từ đó hiện thực hóa các tiềm năng mà kinh tế số mang lại.

3. THỰC TRẠNG NGUỒN NHÂN LỰC CỦA HẢI DƯƠNG

3.1. Số lượng nguồn nhân lực

Tính đến năm 2023, dân số tỉnh Hải Dương là 1.956.888 người, trong đó người trong độ tuổi lao động từ 15 tuổi trở lên là

957.514 người. Cơ cấu lao động khu vực nông, lâm và thủy sản chiếm 16,3%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 52,3%; khu vực dịch vụ và du lịch chiếm 31,4% [9].

Lao động đang làm việc trong các ngành nông, lâm, thủy sản là 160.771 người, ngành công nghiệp, xây dựng có 492.346 người và trong ngành dịch vụ có 282.496 người [9]. Hàng năm có hơn 20.000 người bước vào tuổi lao động đây là nguồn bổ sung to lớn cho lực lượng lao động của tỉnh. Như vậy lực lượng lao động của Hải Dương tương đối dồi dào, là điều kiện to lớn cho quá trình chuyển đổi số và phát triển kinh tế số của tỉnh. Tuy vậy, nếu không biết khai thác một cách hợp lý và hiệu quả lực lượng này thì đó lại là nhân tố kìm hãm sự phát triển của tỉnh.

3.2. Chất lượng nguồn nhân lực

Trong những năm qua tỷ lệ lao động đã qua đào tạo và được cấp chứng chỉ tăng đều qua các năm, năm 2020 tỷ lệ này chỉ đạt 24,77% thì đến năm 2023 đã tăng lên 32,5%. Trong khi tỷ lệ hoàn thành chương trình các cấp học cũng tăng lên, đặc biệt tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THPT theo định hướng học tại Trung tâm GDNN – GDTX và các trường nghề chiếm tỷ lệ tới 21,9%, tỷ lệ học sinh trong các Trung tâm GDNN – GDTX được đào tạo nghề song song với học văn hóa là 98,8% [10].

Đặc biệt tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THPT tiếp tục học tập tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng đạt 13,8%. Quy mô tuyển sinh và đào tạo tốt nghiệp đại học hằng năm của tỉnh đạt 12.800 sinh viên. Quy mô tuyển sinh giáo

dục nghề nghiệp năm 2023 đạt 38.400 người học. Tỷ lệ người học có việc làm hoặc có năng suất, thu nhập cao hơn sau khi được đào tạo đạt từ 80 - 90% [10].

Như vậy, chất lượng nguồn nhân lực của Hải Dương có những bước cải thiện đáng kể, năm sau luôn cao hơn năm trước. Điều này đã tạo những điều kiện hết sức thuận lợi cho quá trình thúc đẩy chuyển đổi số và phát triển kinh tế số của tỉnh những năm tiếp theo.

4. KINH NGHIỆM MỘT SỐ ĐỊA PHƯƠNG VÀ BÀI HỌC CHO HẢI DƯƠNG VỀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC CHO PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ

4.1. Kinh nghiệm của Thành phố Đà Nẵng

Đà Nẵng một thành phố thuộc vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, là trung tâm kinh tế, chính trị, xã hội quan trọng nhất của khu vực miền Trung - Tây Nguyên của nước ta. Đây là địa phương đóng vai trò là trung tâm về công nghiệp, tài chính, du lịch, dịch vụ, giáo dục - đào tạo, y tế chất lượng cao, khoa học - công nghệ, cũng như khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo của vùng. Với những điều kiện thuận lợi, thành phố Đà Nẵng là một trong những địa phương đi đầu của nước ta trong việc phát triển nguồn nhân lực phục vụ phát triển nền kinh tế số. Điều này được luận giải ở cá nội dung:

Thứ nhất, Đà Nẵng đã triển khai thực hiện Chương trình Chuyển đổi số quốc gia theo Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/06/2020 về của Chính phủ và đã đạt được nhiều thành tựu đáng chú ý trong việc xây dựng chính phủ điện tử. Theo Xuân Sơn (2023): Đà Nẵng là thành phố cung cấp 100% dịch

vụ công trực tuyến ở cấp độ 4, trong khi 92% hộ gia đình đã có kết nối Internet. Chính quyền địa phương đặt mục tiêu đến năm 2030, tối thiểu 95% người dân và doanh nghiệp sẽ được trang bị kỹ năng số [11]. Điều này đã không chỉ giúp nâng cao hiệu quả quản lý của thành phố Đà Nẵng mà còn thúc đẩy sự phát triển bền vững của nền kinh tế số của thành phố. Cùng với đó từ khi thành phố thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU về chuyển đổi số, Đà Nẵng liên tục đứng đầu cả nước về chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh trong các năm 2020 và 2021 [11].

Thứ hai, Thành phố Đà Nẵng luôn quan tâm và đầu tư cho chiến lược đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế số. Thành phố đã tổ chức nhiều khóa học kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức nhà nước khu vực dịch vụ công, người lao động, quản lý tại các doanh nghiệp và người dân của thành phố. Các công nghệ mới được thành phố tập trung đào tạo như: Trí tuệ nhân tạo (AI) và dữ liệu điện toán đám mây (Big Data), Internet kết nối vạn vật (IoT),... Đặc biệt, Đà Nẵng đã ban hành nhiều chính sách khuyến khích, hỗ trợ thanh niên, doanh nghiệp trẻ khởi nghiệp trong lĩnh vực chuyển đổi số và triển khai các đề án quan trọng như: Phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin trong khu vực tư nhân và Thu hút nhân tài và bồi dưỡng cán bộ công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số.

Thứ ba, Thành phố Đà Nẵng tích cực thực hiện chương trình liên kết, hợp tác với các đối tác quốc tế và trong nước tổ chức các hội nghị phát triển nhân lực số, trở

thành điểm đến tổ chức các hội nghị quốc tế về phát triển nhân lực số như: Hội nghị của Tổ chức Phát triển Đào tạo Khu vực Châu Á (ARTDO), Hội thảo Quốc gia về chính phủ số năm 2024,.... Những hội nghị này tạo cơ hội để các chuyên gia và lãnh đạo tham gia chia sẻ kinh nghiệm, nâng cao năng lực trong lĩnh vực số giúp thu hút chuyên gia quốc tế và trong nước qua đó nâng cao trình độ cho nguồn nhân lực của thành phố.

Thứ tư, Thành phố Đà Nẵng đã triển khai đầu tư một cách đồng bộ hệ thống cơ sở hạ tầng công nghệ, bao gồm mạng cáp quang ngầm và phủ sóng 5G toàn diện, đảm bảo Internet băng thông rộng trên toàn thành phố. Đà Nẵng cũng đầu tư vào các nền tảng dữ liệu mở, hỗ trợ khai thác hiệu quả thông tin và thúc đẩy các sáng kiến về thành phố thông minh, thành phố xanh, thương mại điện tử và công nghiệp 4.0.

Những nỗ lực và kết quả đạt được như trên đã đưa thành phố Đà Nẵng trở thành địa phương tiên phong trong chuyển đổi số tại Việt Nam. Việc đào tạo kỹ năng số, đầu tư vào hạ tầng công nghệ, cùng với các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, không chỉ góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của địa phương mà còn góp phần nâng cao chất lượng sống của người dân.

4.2. Kinh nghiệm của tỉnh Bình Dương

Bình Dương lâu nay đã trở thành trung tâm công nghiệp hiện đại, đô thị thông minh của vùng Đông Nam Bộ và cả nước, để đạt được kết quả đó Bình Dương luôn chú trọng vào việc tạo lập nền tảng vững chắc để thúc đẩy kinh tế số thông qua các chiến lược phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt tỉnh đã rất chú

trọng vào các chương trình đào tạo và hợp tác quốc tế nhằm ứng dụng công nghệ số trong mọi lĩnh vực của đời sống người dân.

Những năm qua Bình Dương đã đầu tư mạnh mẽ cho phát triển hạ tầng kỹ thuật số, từ các trung tâm hành chính công tới các trung tâm điều hành thông minh và trung tâm dữ liệu nhằm hỗ trợ vận hành chính quyền điện tử. Triển khai rộng rãi mạng lưới dữ liệu số tại các cơ quan Nhà nước, tạo điều kiện thuận lợi cho việc quản lý và cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

Bình Dương đã đầu tư mạnh mẽ cho giáo dục nhằm phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng các yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong bối cảnh của Cách mạng Công nghiệp 4.0. Đặc biệt là nghiên cứu, ứng dụng công nghệ Trí tuệ nhân tạo (AI), Internet kết nối vạn vật (IoT), dữ liệu điện toán đám mây (Big Data),.... Tổ chức các chương trình đào tạo chuyên sâu, thu hút hơn 50 nghìn lao động làm việc trong các ngành điện tử, công nghệ thông tin và số hóa với sự hỗ trợ từ các trường đại học và viện nghiên cứu cả trong và ngoài nước, đảm bảo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế số.

Tỉnh Bình Dương cũng đã triển khai Đề án thành phố thông minh, hợp tác với thành phố Eindhoven (Hà Lan), nhằm chuyển đổi từ nền sản xuất truyền thống sang nền kinh tế giá trị cao, với trọng tâm là trung tâm công nghệ cao, dịch vụ hiện đại và đổi mới sáng tạo. Đề án này cũng hướng đến xây dựng một đô thị xanh, tạo nền tảng phát triển kinh tế số. Nòng cốt của chiến lược là mô hình “Ba Nhà,” gồm Nhà nước, nhà doanh nghiệp và các tổ chức giáo dục nhằm đào tạo nguồn

nhân lực chất lượng cao, qua đó thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội.

Chú trọng đẩy mạnh hợp tác với các tổ chức quốc tế, bao gồm Đại học Quốc gia Singapore, Schneider Electric, Bosch để xây dựng các trung tâm nghiên cứu và phát triển, qua đó thu hút nhân lực chất lượng cao và thúc đẩy các ngành công nghệ tiên tiến. Ngoài ra, các sự kiện như Diễn đàn Hợp tác Kinh tế Horasis Châu Á đã tạo cơ hội để tỉnh Bình Dương mời gọi lãnh đạo doanh nghiệp và học giả từ khắp nơi trên thế giới đến chia sẻ kinh nghiệm, đầu tư và chuyển giao công nghệ.

4.3. Bài học đối với Hải Dương về phát triển nguồn nhân lực cho phát triển kinh tế số

Một là, xây dựng chiến lược phát triển nhân lực cho phát triển kinh tế số. Hải Dương là tỉnh có nền kinh tế đang có sự chuyển biến mạnh mẽ, tuy nhiên để có thể phát triển kinh tế số tỉnh cần có chiến lược phát triển nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu chuyển đổi số của tỉnh. Việc phát triển nguồn nhân lực số cần gắn chặt với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, tận dụng tiềm năng và nguồn lực sẵn có của tỉnh. Chính vì vậy tỉnh cần tập trung đào tạo nhân lực nông nghiệp số, hướng dẫn các doanh nghiệp, người dân đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số như: IoT, AI, Big data,... vào sản xuất và quản lý. Tăng cường giáo dục và đào tạo gắn với các chương trình giáo dục kỹ năng số, đặc biệt trong các ngành nghề mũi nhọn của địa phương như: Công nghệ thông tin, sản xuất linh kiện điện tử, dịch vụ, du lịch, nông nghiệp công nghệ cao, sản xuất hàng thủ công,...

Hai là, đầu tư phát triển hạ tầng công nghệ số. Đầu tư nâng cấp, mở rộng kết nối Internet băng thông rộng trên nền tảng 5G đảm bảo tốc độ cao, ổn định. Xây dựng trung tâm dữ liệu và điều hành thông minh quản lý hiệu quả và cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân. Phát triển mạng 5G tạo nền tảng cho các ứng dụng công nghệ cao.

Ba là, Đào tạo và phát triển kỹ năng số cho người lao động. Tập trung vào kỹ năng sử dụng các công cụ số cơ bản như thương mại điện tử, kỹ năng quản lý dữ liệu và tiếp cận thị trường trực tuyến. Phát triển kỹ năng số cho thanh niên, khuyến khích thanh niên tham gia nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ liên quan tới công nghệ AI, Big Data, IoT,... để trở thành lực lượng tiên phong trong chuyển đổi số. Liên kết với các trường đại học và viện nghiên cứu để đào tạo chuyên sâu về công nghệ thông tin và kỹ năng số.

Bốn là, thúc đẩy hợp tác quốc tế và liên kết vùng trong phát triển nhân lực cho phát triển kinh tế số. Xây dựng quan hệ hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp và đối tác quốc tế để đào tạo, thu hút nguồn nhân lực phục vụ nghiên cứu, chuyển giao công nghệ. Tăng cường liên kết vùng trọng điểm Bắc Bộ (Hà Nội-Hải Phòng-Quảng Ninh) qua việc phối hợp với các tỉnh lân cận (Hưng Yên, Bắc Ninh, Bắc Giang, Thái Bình) để tận dụng hiệu quả nguồn lực chung, đồng thời học hỏi kinh nghiệm từ các tỉnh thành phát triển.

Năm là, hỗ trợ khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo, hỗ trợ các dự án ứng dụng công nghệ trong khởi nghiệp đối với các ngành

trọng điểm, mũi nhọn của tỉnh như: Du lịch, thương mại, nông nghiệp công nghệ cao, công nghệ thông tin, tự động hóa,... Tạo không gian sáng tạo, xây dựng các trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp, cung cấp cơ sở vật chất và tư vấn cho các doanh nghiệp phát triển.

Sáu là, xây dựng chính sách ưu đãi để thu hút nhân tài. Cung cấp các ưu đãi về tài chính, nhà ở và môi trường làm việc để thu hút lao động chất lượng cao từ các địa phương trong nước và quốc tế. Đầu tư phát triển giáo dục tạo cơ hội học tập và phát triển nghề nghiệp ngay tại địa phương.

5. KẾT LUẬN

Phát triển nguồn nhân lực cho phát triển kinh tế số là một nhiệm vụ cấp thiết và mang tính chiến lược trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang phát triển mạnh mẽ và tác động tới mọi lĩnh vực của đời sống. Bài học kinh nghiệm từ các địa phương trong nước cho thấy, yếu tố then chốt để hiện thực hóa mục tiêu này nằm ở việc đầu tư đồng bộ vào hạ tầng số, đào tạo nguồn nhân lực có năng lực, kỹ năng phù hợp với yêu cầu mới của thị trường lao động trong đổi mới sáng tạo. Đối với Hải Dương, nơi có nhiều thuận lợi về địa lý, kinh tế và xã hội, việc phát triển nguồn nhân lực cho phát triển kinh tế số sẽ giúp tỉnh sớm trở thành tỉnh công nghiệp hiện đại, khẳng định vị thế của tỉnh trong nền kinh tế số quốc gia. Đây không chỉ là một bước đi tất yếu mà còn là con đường mang lại cơ hội lớn để Hải Dương chuyển mình, góp phần vào sự phát triển chung của cả nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Nguyễn Tiệp chủ biên (2008), *Nguồn nhân lực*, Trường Đại học Lao động – Xã hội, Nxb Lao động xã hội.
- [2]. Nguyễn Hữu Dũng (2003), *Sử dụng hiệu quả nguồn lực con người Việt Nam*, Nxb Lao động Xã hội, Hà Nội.
- [3]. Đỗ Minh Cương, Mạc Văn Tiến (2004), *Phát triển lao động kỹ thuật ở Việt Nam – Lý luận và thực tiễn*, Nxb Lao động xã hội, Hà Nội.
- [4]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [5]. Thủ tướng Chính phủ (2012), Quyết định số 432-QĐ/TTg ngày 12/4/2012 về phê duyệt “*Chiến lược phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020*”.
- [6]. Thủ tướng Chính phủ (2011), Quyết định số 579/QĐ-TTg ngày 19 tháng 04 năm 2011 về “*Chiến lược phát triển nguồn nhân lực Việt Nam 2011 – 2020*”.
- [7]. Don Tapscott (1996). *The digital economy: promise and peril in the age of networked intelligence*. New York: McGraw-Hill.
- [8]. Nguyễn Đức Thiệu (2023). *Phát triển nguồn nhân lực số đáp ứng yêu cầu xây dựng nền kinh tế số ở Việt Nam*. Tạp chí Quản lý nhà nước.
- [9]. Cục Thống kê Hải Dương (2023), *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội Hải Dương năm 2023*.

[10]. Sở Lao động – Thương binh và Xã hội (2023), *Báo cáo kết quả thực hiện Đề án “phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh, góp phần xây dựng Hải Dương trở thành tỉnh công nghiệp hiện đại vào năm 2030*, Số 6266/BC-SLĐTBXH, Hải Dương.

[11]. Xuân Sơn (2023). *Đà Nẵng phấn đấu kinh tế số đạt 20% GRDP vào năm 2025*. Truy cập ngày 10/12/2024, tại: <https://mic.gov.vn/da-nang-phan-dau-kinh-te-so-dat-20-grdp-vao-nam-2025-197158223.htm>

THÔNG TIN TÁC GIẢ:

Vũ Hồng Phong; Phan Hoàng Đức; Vũ Văn Đông

Trường Đại học Sao Đỏ

Email: duydongvu82@gmail.com

Điện thoại: 0985412618



BỘ CÔNG THƯƠNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

Địa chỉ:

- **Số 1:** Số 76, Nguyễn Thị Duệ, Thái Học 2, phường Sao Đỏ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.
- **Số 2:** Số 72, đường Nguyễn Thái Học, phường Thái Học, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.
- **Điện thoại:** (0220) 3882 269 **Fax:** (0220) 3882 921 **Website:** <http://saodo.edu.vn> **Email:** info@saodo.edu.vn

P. ISSN 1859-4190
E. ISSN 2815-553X

Số 2 (90)

2025

Địa chỉ Tòa soạn:

Trường Đại học Sao Đỏ.

Số 76, Nguyễn Thị Duệ, Thái Học 2, phường Sao Đỏ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Điện thoại: (0220) 3587213, Fax: (0220) 3882 921, Hotline: 0912 107858/0936 847980.

Website: <http://tapchikhcn.saodo.edu.vn/> Email: tapchikhcn@saodo.edu.vn.

Giấy phép xuất bản số: 620/GP-BTTTT ngày 17/9/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông.
In 2.000 bản, khổ 21 × 29,7cm, tại Công ty TNHH in Tre Xanh, cấp ngày 17/02/2011.